

Số: 22 /2024/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 08 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội
nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác
chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ
được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng
3 năm 2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã
hội; số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy
định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ
Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP
ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội
đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 2266/TTr-UBND
ngày 01 tháng 11 năm 2024 về dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với
đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối
tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15
tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn
tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội
nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác chưa
quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính

phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Đối tượng áp dụng

- Đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội;
- Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

(Theo Phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết này)

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh

1. Mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập.

(Theo Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết này)

2. Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP hưởng chính sách trợ giúp xã hội.

(Theo Phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết này)

3. Các nội dung khác có liên quan: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trợ cấp, mức hỗ trợ, mức đóng góp đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh

Hà Nam và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XIX, Kỳ họp thứ hai mươi (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 08 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: LĐ, TB và XH, Tài chính;
- Vụ Pháp chế các Bộ: LĐ, TB và XH, TC;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TB&XH, Tài chính, Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Hoàng



PHỤ LỤC 01
QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI
NUÔI DƯỠNG TẠI CÁC CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI CÔNG LẬP
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam)

TT	Nội dung	Mức hỗ trợ
1	Hỗ trợ thêm cho các đối tượng ăn ngày lễ, ngày tết dương lịch, ngày Tết Nguyên đán và đối tượng bị ốm nằm viện.	- Ngày lễ, Tết Dương lịch đối tượng được ăn thêm 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; - Các ngày Tết Nguyên đán đối tượng được ăn thêm 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; - Đối tượng bị ốm nằm viện được ăn thêm 03 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.
2	Hỗ trợ thêm cho người nhiễm HIV:	600.000 đồng/người/năm
-	Điều trị nhiễm trùng cơ hội	300.000 đồng/người/năm
-	Mua sắm vật dụng phòng chống lây nhiễm	300.000 đồng/người/năm
3	Hỗ trợ cho các cháu đang đi học cao đẳng, đại học tỉnh ngoài	
-	Chi phí đi lại	200.000 đồng/người/lần (mỗi năm 03 lần)
-	Ăn thêm hàng tháng	500.000 đồng/người/tháng
4	Hỗ trợ cho đối tượng bảo vệ khẩn cấp sau khi phân loại về nơi cư trú	
-	Hỗ trợ tiền ăn	100.000 đồng/người/ngày (không quá 03 ngày)
-	Hỗ trợ kinh phí đưa đối tượng về nơi cư trú	Theo giá phương tiện phổ thông
5	Hỗ trợ mua sắm công cụ, dụng cụ, vật lý trị liệu, lao động phục hồi, thể dục thể thao	70.000 đồng/người/tháng
6	Hỗ trợ kinh phí thông tin, quảng cáo tìm gia đình người thân của đối tượng bảo vệ khẩn cấp	Theo thực tế đơn giá của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (không quá 03 lần/đối tượng mới tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội)



PHỤ LỤC 02
QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG KHÓ KHĂN KHÁC CHƯA ĐƯỢC QUY ĐỊNH
TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 20/2021/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 2021 CỦA
CHÍNH PHỦ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam)

1. Đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội tại cộng đồng

a) Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi, thuộc diện hộ nghèo, có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng là anh/chị/em ruột hoặc cháu ruột nhưng người này không thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng hoặc không có điều kiện phụng dưỡng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng như đối tượng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc diện hộ nghèo thuộc một trong các trường hợp sau đây được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (không bao gồm chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng):

- Mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng không có khả năng nuôi dưỡng trẻ;

- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật, người còn lại là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng không có khả năng nuôi dưỡng trẻ;

- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội, người còn lại là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng không có khả năng nuôi dưỡng trẻ;

- Cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người còn lại là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng không có khả năng nuôi dưỡng trẻ;

- Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng trẻ.

c) Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo không thuộc diện quy định tại điểm b mục 1 phụ lục này được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng như đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

2. Đối tượng khó khăn khác được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập

a) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng không còn người chăm sóc tại cộng đồng hoặc còn nhưng không có khả năng để chăm sóc, có nguyện vọng, được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội.

b) Thanh niên xung phong, người hưởng tuất bảo hiểm xã hội là người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc người này không thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng; có nguyện vọng, được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội.

Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b mục 2 phụ lục này không thuộc diện quy định tại điểm a mục 1 phụ lục này được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và mức hỗ trợ thêm tại Phụ lục 01 Nghị quyết này. Riêng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Trường hợp đối tượng hưởng mức trợ cấp (con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; thanh niên xung phong, người hưởng tuất bảo hiểm xã hội) cao hơn mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng được nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, sau khi đối trừ, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm hoàn lại phần chênh lệch còn thừa cho đối tượng.

- Trường hợp đối tượng hưởng mức trợ cấp (con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; thanh niên xung phong, người hưởng tuất bảo hiểm xã hội) thấp hơn mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng được nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, sau khi đối trừ, cơ sở trợ giúp xã hội được ngân sách nhà nước cấp bù phần chênh lệch còn thiếu.

3. Đối tượng khó khăn khác được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại Bệnh viện Phong tỉnh Hà Nam

Bệnh nhân phong nội trú tại Bệnh viện Phong tỉnh Hà Nam được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và mức hỗ trợ thêm cho các đối tượng ăn ngày lễ, ngày Tết Dương lịch, ngày Tết Nguyên đán, ngày đối tượng bị ốm nằm điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác như Phụ lục 01 Nghị quyết này. Trường hợp đối tượng đã được hưởng chế độ trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng quy định tại khoản 1 Điều 25 thì không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng quy định tại Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP./.